

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**.

2. Ông **Trần Hoàng Việt**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Lý Út Hoài** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp M, xã V H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- Bị đơn: Bà **Phan Thị Ngọc Th1**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Ấp N, xã T B, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Vào năm 2014 ông Nguyễn Văn Th và bà Phan Thị Ngọc Th1 tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Đến ngày 22-10-2015 mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V H, thị xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 255. Sau khi kết hôn vợ chồng ông Th bà Th1 sinh sống bên gia đình của bà Th1 tại ấp

N, xã T B, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2016 giữa ông Th bà Th1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 5 năm 2017 ông Th bà Th1 liên tục cãi nhau và gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Ông Th cảm thấy không còn hợp nhau và yêu thương nhau như trước nên quyết định ly hôn. Vợ chồng ông Th bà Th1 đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Giữa ông Th và bà Th1 có một con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 05-12-2017 hiện đang được bà Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vợ chồng ông Th bà Th1 không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nay ông Nguyễn Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Ngọc Th1;
- Về con chung: Ông Th thống nhất giao con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 05-12-2017 cho bà Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Th không phải cấp dưỡng cho con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Nguyễn Văn Th đã nộp các tài liệu chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn số 179, ngày 11-02-2019 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải cấp có nội dung giấy chứng nhận kết hôn số 255 ngày 22-10-2015 và Bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 05-12-2017.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị Ngọc Th1 và được ông Phan Văn Tịnh là cha - ngụ cùng địa chỉ với bà Th1 nhận thay các văn bản tố tụng cho bà Th1. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Th1 là hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng ông Nguyễn Văn Th với bà Phan Thị Ngọc Th1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th cho vợ chồng ông Th bà Th1 ly hôn. Về con

chung giao cho bà Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 14-5-2019, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th lập ngày 25-02-2019 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do ông Th nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của ông Th và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Ngọc Th1 nên được xác định đây là vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bị đơn bà Phan Thị Ngọc Th1 có nơi cư trú tại ấp Nhà Thờ, xã Trung, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[1.3] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn bà Phan Thị Ngọc Th1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông Nguyễn Văn Th và bà Phan Thị Ngọc Th1 tự nguyện kết hôn, tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 255, ngày 22-10-2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Hôn nhân giữa ông Th và bà Th1 trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại bên gia đình của bà Th1 tại ấp N, xã T B, huyện Trần Đề đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và sau đó vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay.

[2.2] Tình cảm vợ chồng giữa ông Th và bà Th1 đã xảy ra mâu thuẫn và dẫn đến việc sống ly thân. Nguyên nhân nguyên đơn trình bày là do không bắt đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà Phan Thị Ngọc Th1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, Tòa án đã triệu tập bà Th1 ghi

ý kiến cũng như tổ chức cho vợ chồng hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà Th1 vắng mặt và không gửi đến Tòa án văn bản hay tài liệu chứng cứ nào nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Việc này thể hiện giữa bà Th1 không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi ly thân với ông Th.

[2.3] Xét về cuộc sống hôn nhân giữa ông Th và bà Th1 có sự vi phạm nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Kể từ năm 2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung, ông Th và bà Th1 không quan tâm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà Th1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng kèm theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn đã nộp trong đó có đơn yêu cầu ly hôn. Bà Th1 không đưa ra ý kiến hay tìm cách hàn gắn tình cảm với ông Th. Do đó, ông Th đưa ra yêu cầu ly hôn với bà Th1 là có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Theo trích lục Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thái H, sinh năm 05-12-2017 do Ủy ban nhân xã Trung Bình cấp. Ông Nguyễn Văn Th cũng trình bày về việc giữa ông Th và bà Th1 có một người con chung nên có đủ cơ sở xác định giữa ông Th bà Th1 có một người con chung tên Nguyễn Thái H, sinh năm 05-12-2017.

[3.1] Hiện nay con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 05-12-2017 đang do bà Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3.2] Xét thấy cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 05-12-2017 hiện nay chưa được 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “...3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Về vấn đề này ông Th đã thống nhất giao cho chung cho bà Th1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Th1 cũng không có ý kiến phản đối. Do đó việc giao cho chung cho bà Th1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên bà Th1 không đưa ra yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con nên không đặt ra xem xét. Nhưng ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung đối với cháu Hòa mà không ai được cản trở. Ông Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Th1 theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn Th xác định giữa ông Th và bà Th1 không có tài sản chung và nợ chung đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong

vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng. Bà Phan Thị Ngọc Th1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Th1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Phan Thị Ngọc Th1. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Th bà Phan Thị Ngọc Th1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 255, do Ủy ban nhân dân xã V H cấp ngày 22-10-2015 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 05-12-2017 (hiện cháu Hòa đang ở cùng với bà Th1) cho Phan Thị Ngọc Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng cho Nguyễn Thái H.

Ông Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Văn Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Phan Thị Ngọc Th1.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn Th xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005742, ngày 20-5-2019 của Chi

cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông Th đã thực hiện xong. Bà Phan Thị Ngọc Th1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Phan Thị Ngọc Th1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND xã V H, TX V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc